

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2022/DS-PT
Ngày 30-9-2022
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Chum

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 183/2022/TLPT-DS ngày 27/7/2022 về việc “tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972; địa chỉ: 5/1 khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương; ủy quyền cho bà LH, sinh năm 1961; địa chỉ: số 440 (K1/A35 cũ) Đại lộ Bình Dương, tổ 13, khu phố 1, phường HT, thành phố TM, tỉnh Bình Dương (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 17/11/2020); có mặt.

- Bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1966; nơi cư trú: số 163/1 (số cũ 4/27) khu phố 1, phường TL, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số 5/1 khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: số 5/1 khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Ng C1, sinh năm 1962; địa chỉ: số 32/1 khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương; ủy quyền cho bà Nguyễn Thị

Tu, sinh năm 1980; địa chỉ: số 32/1 khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Giấy uỷ quyền ngày 08/9/2020), có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Ng Th, sinh năm 1954; địa chỉ: số 22/1 khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Ng Ch, sinh năm 1959; địa chỉ: số 192C khu phố Hưng Lộc, phường Hưng Định, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: số 554/13/3/1 đường 30/4 tổ 83, khu phố 9, phường Chánh Nghĩa, thành phố TM, tỉnh Bình Dương; uỷ quyền cho bà Dương Thị Huyền Trang, sinh năm 1994; địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hud – số 159 đường Điện Biên Phủ, Phường 15, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy uỷ quyền ngày 25/10/2021); có mặt.

4/ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp Vĩnh Trường, xã TV, thị xã T.U, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

5/ Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1955; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

6/ Ông Nguyễn Ng Ph, sinh năm 1978; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

7/ Ông Nguyễn Ng Hi, sinh năm 1982; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

8/ Bà Nguyễn Thị Ng D2, sinh năm 1986; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số 5A/1 khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

9/ Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: số 30/7 đường ĐT 743C phường Bình Hoà, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ng Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2019, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Th là bà LH thống nhất trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Diệu, sinh năm 1932, chết ngày 28/3/2014. Lúc còn sống bà Diệu có quyền sử dụng đất diện tích 8.595,9 m² thuộc các thửa 153, 168, 216 tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 cho hộ bà Nguyễn Thị Diệu. Ngày 09/7/2009, bà Diệu tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Ng diện tích đất 104,7 m² tách thành thửa 271; cho bà Nguyễn Thị L diện tích đất 87,7 m² tách thành thửa 272 và cho Nguyễn Thị Th diện tích đất 87,7 m² tách thành thửa 273. Phần đất còn lại diện tích 8.315,8 m². Ngày 07/10/2009, bà Diệu lập Tờ di chúc để lại toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 8.315,8 m² cho 04 người con là Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Th

và Nguyễn Ng C1. Di chúc được Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2009. Tuy nhiên bản di chúc không ghi rõ từng người con được hưởng diện tích đất cụ thể mà chỉ ghi nhận thừa kế chung toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất nói trên khi bà Diệu chết. Ngày 28/3/2014, bà Diệu chết.

Về quan hệ huyết thống của bà Nguyễn Thị Diệu như sau: Bà Diệu có chồng là ông Nguyễn Ng Bốn, sinh năm 1925, chết ngày 01/10/1990. Bà Diệu có cha là Nguyễn Văn Thốc, sinh năm 1900, chết năm 1970 (không có giấy chứng tử); có mẹ là bà Nguyễn Thị Trọn, sinh năm 1908, chết năm 1949 (không có giấy chứng tử). Bà Nguyễn Thị Diệu và ông Nguyễn Ng Bốn có 10 người con, cụ thể như sau:

Nguyễn Ng Du, sinh năm 1952, chết ngày 10/12/2015. Ông Du có vợ là Nguyễn Thị T4 và 03 người con là Nguyễn Ng Ph, Nguyễn Ng Hi và Nguyễn Thị Ng D2;

Nguyễn Ng Th, sinh năm 1954;

Nguyễn Thị T2, sinh năm 1956;

Nguyễn Ng Ch, sinh năm 1959;

Nguyễn Ng C1, sinh năm 1962;

Nguyễn Ng Lợi, sinh năm 1964, chết ngày 17/3/2007. Ông Lợi không có vợ, con;

Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1966;

Nguyễn Ng Thạch, sinh năm 1969, chết ngày 12/01/2004. Ông Thạch không có vợ, con;

Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972;

Nguyễn Thị L, sinh năm 1974.

Sau khi bà Diệu chết, anh chị em trong gia đình vẫn sống hòa thuận với nhau được một thời gian thì bà Ng, bà L gây mâu thuẫn, không cho bà Th sinh sống trong căn nhà mà bà Diệu để lại và bà Th đã sinh sống cùng cha mẹ từ khi sinh ra đến khi bà Diệu qua đời. Mục đích của bà Ng, bà L để chiếm toàn bộ nhà, đất do bà Diệu để lại cho bốn anh chị em như bản di chúc. Do đó, bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị Diệu để lại là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế là 8.322 m² thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Tờ di chúc đã được Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2009. Bà Th đồng ý trừ đường nội bộ diện tích đất 159,4 m² theo sơ đồ bản vẽ đã được cơ quan chuyên môn đo vẽ để làm lối đi chung cho các thửa 261, 262, 263, 264, 265, 266. Diện tích còn lại là 8.162,6m², bà Th yêu được chia 2040,6 m², trong đó có 51 m² đất thổ cư. Bà Th yêu cầu nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất phần đất giáp đất của ông

Du ở vị trí phía Đông thửa đất, phía Nam giáp đường Đông Nhì, có chiều rộng 04 m, do phần này ảnh hưởng tới ngôi nhà của bà Diệu chết để lại nên bà Th đồng ý bồi thường giá trị nhà cho các đồng thừa kế khác, bồi thường giá trị nhà vệ sinh cho bà Ng.

Bà Th yêu cầu chia tài sản trên đất gồm: Nhà chính (nhà 1 – theo sơ đồ bản vẽ trong mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý số 158-2020 ngày 06/3/2020), diện tích 118m², kết cấu nhà một tầng, khung bê tông cốt thép, tường gạch, có trần đổ sê nô, nền gạch men, mái tôn; nhà phụ (nhà 2- theo sơ đồ bản vẽ trong mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý số 158-2020 ngày 06/3/2020), diện tích 95,7m², kết cấu nhà một tầng, cột gạch, tường gạch, không có trần, nền gạch men, mái tôn; nhà sau (nhà 3- theo sơ đồ bản vẽ trong mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý số 158-2020 ngày 06/3/2020), diện tích 27,8m², kết cấu nhà một tầng, cột gạch, tường gạch, không có trần, nền gạch men; nhà vệ sinh diện tích 08m², kết cấu nhà một tầng, cột gạch, tường xây gạch ốp gạch men, nền gạch men; nền sân gạch, sân xi măng, giếng khoan dân dụng,...và cây mít, một số cây tạp theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế của bà Diệu. Bà Th xin nhận tài sản gắn liền với phần đất được hưởng của bà Diệu theo Tờ di chúc đã được Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2009. Trường hợp giá trị tài sản bà Th nhận nhiều hơn thì bà Th sẽ có nghĩa vụ bồi hoàn phần chênh lệch cho các đồng thừa kế. Đề nghị áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Ng Ch; không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Ch. T4 liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy khai tử bà Nguyễn Thị Diệu và ông Nguyễn Ng Bốn, Bản di chúc đã được Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2009; Giấy khai sinh Nguyễn Thị Th; Tờ tường trình quan hệ nhân thân của người để lại di sản; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 và các tài liệu khác có liên quan.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày:*

Bà Ng, bà L thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống của bà Nguyễn Thị Diệu, về tài sản do bà Diệu để lại là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế là 8.322 m², trừ đường nội bộ 159,4 m², thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã được bà Diệu lập di chúc để lại cho bốn người con là Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Th và Nguyễn Ng C1 theo Tờ di chúc đã được Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2009. Bà Ng, bà L đồng ý chia cho bà Th ¼ diện tích đất do bà Diệu để lại (chia cả đất thổ cư), nhưng phải trừ đường nội bộ diện tích 159,4 m², giáp các thửa 261, 262, 263, 264, 265, 266, diện tích đất còn lại là 8176,6 m², nên đồng ý chia cho bà Th 2040,6 m², trong đó có 51 m² đất thổ cư. Phần còn lại không yêu cầu chia mà để lại sử dụng chung cho ba người còn lại theo di chúc là ông C1, bà Ng, bà L. Bà Ng, bà L đồng ý chia cho bà Th phần đất tại vị trí phía Tây của thửa đất, phía

Nam giáp đường Đông Nhì. Đối với tài sản trên đất là nhà của bà Diệu để lại thì không chia, mà giao cho bà Ng, bà L, ông C1 quản lý để làm nơi thờ cúng cha mẹ. Nay bà Ng và bà L thay đổi ý kiến trình bày. Thống nhất theo yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Ng Ch, đồng ý hủy Văn bản cam kết về tài sản chung của hộ gia đình số 1458, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGB ngày 01/10/2009 tại Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Dương và hủy toàn bộ Tờ di chúc đã được Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2009. Đề nghị chia di sản là phần diện tích 8.322 m² thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương đều cho 08 người con của ông Nguyễn Ng Bốn và bà Nguyễn Thị Diệu. Riêng phần nhà của bà Diệu để lại thì không yêu cầu chia, nếu ai nhận nhà thì có trách nhiệm thanh toán lại trị giá căn nhà cho các đồng thừa kế còn lại theo quy định pháp luật theo giá định giá. T4 liệu chứng cứ mà bị đơn cung cấp gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và các tài liệu có liên quan.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ng C1 do bà Nguyễn Thị Tu là người đại diện hợp pháp thống nhất trình bày:*

Thống nhất với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống của bà Nguyễn Thị Diệu, về tài sản do bà Diệu để lại. Ông C1 thống nhất di chúc bà Diệu đã lập, chia phần diện tích 8.322 m² thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương đều cho 04 người con là Th, Ng, L và C1 và đề nghị chia cụ thể từng phần cho mỗi người. Ông C1 đề nghị Tòa án chia cho bà Th 1/4 diện tích đất thực tế của bà Diệu để lại, vị trí đất chia cho bà Th là phần đất giáp của bà Th hiện tại, tức là cạnh phía Tây thửa đất. Riêng phần nhà do bà Diệu để lại thì giữ nguyên, kể cả phần chữ L giáp đất ông Du, không đồng ý chia cho bà Th phần này và giao cho bà Ng tạm thời quản lý. Không đồng ý yêu cầu độc lập của ông Ch.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ng Th trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị Diệu sử dụng từ thời xa xưa, khi ông Th và anh chị sinh ra và lớn lên thì bà Diệu đã sử dụng đất này trồng hoa màu nuôi các con khôn lớn. Khi bà Diệu già yếu thì bà Diệu đều cho anh, chị, em mỗi người một phần. Phần còn lại bà Diệu lập di chúc để lại cho bốn người con là Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị L và Nguyễn Ng C1. Di chúc đã được công chứng hợp pháp nên ông Th đề nghị Tòa án công nhận di chúc có hiệu lực. Về phần ông Th, ông đã được bà Diệu cho đất riêng nên không có yêu cầu gì đối với phần đất đang tranh chấp. Đất bà Diệu đã để lại cho những người thừa kế thì họ được hưởng. Ý nguyện của ông Th là anh chị em hòa thuận với nhau, không nên mâu thuẫn, tranh chấp. Mặt khác, trước đây bà Diệu đã cho 6 người con là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Ng C1, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Th và Nguyễn Ng Th mỗi người một phần đất diện tích khoảng 200 m², hiện nay đều đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng nhưng chưa có đường đi nên ông Th đề nghị những người thừa kế chữa ra

một phần đất giáp các thửa đất này để làm đường đi nội bộ chung, nguyện vọng của ông Th là mở lối đi rộng khoảng 4 mét từ các thửa đất này ra đường Đông Nhì. Đối với yêu cầu của nguyên đơn thì ông Th có ý kiến nếu chia cho bà Th phần đất có vị trí phía Đông thửa đất, phía Nam giáp đường Đông Nhì, có chiều rộng 04 m, tức là cắt ngang phần nhà hình chữ L. Phần đất có nhà chính của bà Diệu thì ông Th không có yêu cầu chia riêng cho mình. Nếu bà Ng, ông C1, bà L để chung thì cũng tùy ý, ông Th không có ý kiến. Ông Th không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Riêng phần nhà của bà Diệu thì ông Th đồng ý chia cho bà Th một phần tọa lạc trên phần đất bà Th được chia, phần nhà còn lại thì đồng ý giao cho bà Ng quản lý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày:*

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống của bà Nguyễn Thị Diệu và tài sản do bà Diệu chết để lại. Trước khi bà Diệu chết thì bà Diệu đã lập di chúc để lại quyền sử dụng đất cho bốn người con là Nguyễn Ng C1, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị L. Nay bà T2 xác định ý kiến như sau: Đề nghị Tòa án công nhận di chúc là hợp pháp, riêng đối với phần nhà của bà Diệu chết để lại thì không yêu cầu chia mà đề nghị giữ nguyên để làm nơi thờ cúng. Còn việc chia quyền sử dụng đất thì đồng ý giải quyết theo quy định của pháp luật cho bốn người con theo di chúc là Nguyễn Ng C1, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị L. Bà T2 đồng ý với ý kiến của nguyên đơn, bị đơn về việc chừa lại phần đất chiều rộng 2,5m làm lối đi chung cho các thửa đất 261, 262, 263, 264, 265, 266 vì nguyện vọng của bà Diệu trước khi chết cũng thể hiện chỉ chừa đường có chiều rộng 2,5m. Bà T2 không yêu cầu gì riêng cho mình đối với quyền sử dụng đất mà bà Diệu chết để lại, bà T2 cũng không yêu cầu chia nhà của bà Diệu mà đề nghị giữ lại để làm nơi thờ cúng và giao cho bà Ng quản lý phần nhà này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ng Ch do ông Trần Văn Thi là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Nguồn gốc đất là do cha mẹ cụ Nguyễn Ng Bốn khai phá, sau đó vợ chồng cụ Nguyễn Ng Bốn và cụ Nguyễn Thị Diệu sử dụng canh tác sản xuất nông nghiệp từ trước năm 1975 cho đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 2004. Ngày 01/10/1990 cụ Bốn mất nhưng không để lại di chúc và phần tài sản của cụ chưa được giải quyết. Theo GCNQSD cấp số AP:045903, sổ vào sổ: H03980/TTLT do UBND huyện T cấp ngày 22/6/2009 thì có ghi rõ cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Diệu và tại thời điểm này hộ bà Diệu có 06 người đều từ đủ 15 tuổi trở lên và cùng sinh sống tại địa chỉ số 5/1 khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương, nhưng văn bản cam kết về tài sản chung của hộ chỉ có 03 người cam kết để định đoạt là chưa phù hợp. Mặt khác, khi cụ Diệu lập tờ di chúc đã trên 70 tuổi, nhưng không có ai là người làm chứng mà chỉ được văn phòng công chứng và do bà Th đưa cụ Diệu đi thực hiện cứ những người con khác của bà Diệu không hề biết về sự việc. Do đó, di chúc vi phạm về nội dung, hình thức quy định tại Điều 49 Luật Công chứng nên ngày 17/12/2021 ông Nguyễn Ng Ch có yêu cầu độc lập như sau:

- Hủy Văn bản cam kết về tài sản chung của hộ gia đình số 1458, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGB ngày 01/10/2009 tại Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Dương;

- Hủy toàn bộ Tờ di chúc đã được Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Dương công chứng số 1482 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2009;

- Chia cho ông Nguyễn Ng Ch 1/8 di sản là phần diện tích 8.322 m² thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương của ông Nguyễn Ng Bốn và bà Nguyễn Thị Diệu để lại. Ông Ch đề nghị được nhận bằng hiện vật.

- Riêng phần nhà của bà Diệu để lại thì ông Ch không yêu cầu chia, mà giao lại cho bà Nguyễn Thị Ng quản lý để thờ cúng ông bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị Ng D2, ông Nguyễn Ng Hi, ông Nguyễn Ng Ph thống nhất trình bày:*

Bà T4, bà D2, ông Hi, ông Ph là vợ, con ông Nguyễn Ng Du (chết ngày 10/12/2015), khi ông Du và bà Diệu còn sống thì bà Diệu đã cho ông Du quyền sử dụng đất diện tích khoảng 183,2 m², hiện nay đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng nên bà T4, bà D2, ông Hi, ông Ph không có yêu cầu gì đối với phần tài sản đang tranh chấp. Trước đây, ông Du, ông Hi, ông Ph, bà D2 có tên trong sổ hộ khẩu chung bà Diệu nhưng không có quyền gì đối với phần đất đang tranh chấp. Phần đất tranh chấp là của bà Diệu nên bà Diệu lập di chúc để lại cho ai là quyền của bà. Bà T4, bà D2, ông Hi, ông Ph không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bình Dương do ông Nguyễn Phú Cường đại diện trình bày:*

Tờ di chúc số 1482, Quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Phòng Công chứng số 2 tỉnh Bình Dương công chứng ngày 07/10/2009. Bà Nguyễn Thị Diệu đã tự nguyện lập di chúc, đã đọc lại di chúc, đồng ý toàn bộ nội dung di chúc và ký tên vào bản di chúc có sự chứng kiến của Công chứng viên. Tại thời điểm công chứng bà Diệu hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, tự nguyện lập Tờ di chúc, không bị lừa dối, không bị ép buộc. Đồng thời tại thời điểm công chứng bà Nguyễn Thị Diệu có phiếu khám sức khỏe số 11483/GĐYK-SK để dùng vào việc lập di chúc do Trung tâm Giám định y khoa pháp y - Sở Y tế tỉnh Bình Dương thực hiện ngày 17/9/2009 với kết luận “tinh thần minh mẫn đủ sức khỏe lập di chúc”. Tại thời điểm công chứng, Phòng Công chứng số 2 không nhận được bất kỳ văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền đề nghị ngăn chặn việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Diệu, đồng thời có văn bản cam kết tài sản chung hộ gia đình đã được Phòng công chứng số 2 công chứng số 1458, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2009. Do đó Phòng Công chứng số 2 tỉnh Bình Dương công chứng di chúc của bà Nguyễn Thị Diệu là đúng quy định của pháp luật. Phòng Công chứng số 2 cung cấp cho Tòa án toàn bộ tài liệu liên quan đến việc công chứng Tờ di chúc số 1482, Quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Công

chứng viên Phòng Công chứng số 2 tỉnh Bình Dương công chứng ngày 07/10/2009.

Bản án số 18/2022/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th về việc tranh chấp thừa kế tài sản do bà Nguyễn Thị Diệu để lại.

Chia tài sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Diệu để lại như sau:

- Bà Nguyễn Thị Th được chia quyền sử dụng đất diện tích 2.020 m² (trong đó có 41,6 m² đất ODT) thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Diệu và tài sản gắn liền với đất là một phần Nhà chính (nhà 1) diện tích 8,5 m²; một phần nhà phụ (nhà 2) diện tích 33,1 m², nhà vệ sinh 0,4m². Bà Th phải thanh toán lại giá trị tài sản trên đất vượt quá phần được chia cho các đồng thừa kế bà Nguyễn Thị Diệu gồm ông Nguyễn Ng Th, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Ng Ch, ông Nguyễn Ng C1 và chỉ ông Nguyễn Ng Du (do bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị Ng D2, ông Nguyễn Ng Hi, ông Nguyễn Ng Ph đại diện) mỗi chi số tiền 2.715.882 đồng (Hai triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, tám trăm tám mươi hai đồng).

(Vị trí I, sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thị L được chia quyền sử dụng đất chung diện tích 4040 m² (trong đó có 172,1 m² đất ODT) thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Diệu và tài sản gắn liền với đất là một phần Nhà chính (nhà 1) diện tích 109,5 m²; một phần nhà phụ (nhà 2) diện tích 62,6 m², nhà sau (nhà số 3) diện tích 27,7m², nhà vệ sinh 14,6 m², tổng trị giá tài sản là 520.939.500. Bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm cùng liên đới thanh toán lại giá trị tài sản trên đất vượt quá phần được chia cho các đồng thừa kế bà Nguyễn Thị Diệu gồm ông Nguyễn Ng Th, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Ng Ch, ông Nguyễn Ng C1 và chỉ ông Nguyễn Ng Du (do bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị Ng D2, ông Nguyễn Ng Hi, ông Nguyễn Ng Ph đại diện) mỗi chi số tiền 73.643.962 đồng (Bảy mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, chín trăm sáu mươi hai đồng).

(Vị trí II, IV, V sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Ông Nguyễn Ng C1 được chia quyền sử dụng đất diện tích 2020 m² thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Diệu

(Vị trí III, sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm cùng liên đới thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Th trị giá diện tích đất ODT được chia vượt quá số tiền là 135.492.500 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm cùng liên đới thanh toán lại cho ông Nguyễn Ng C1 trị giá diện tích đất ODT được chia vượt quá số tiền là 730.372.500 đồng (Bảy trăm ba mươi triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Ng Th, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Ng C1, bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng chung phần đất diện tích 241,7m² để làm lối đi chung, đất thuộc các thửa 153, 168, 216 (thửa mới là 409) tờ bản đồ 25 tọa lạc tại khu phố Đông Nhì, phường LT, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Diệu tiếp giáp mặt tiền đường Đông Nhì. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Ghi nhận sự nguyện của các đương sự không yêu cầu chia tài sản là nền sân gạch, sân xi măng, giếng khoan dân dụng và cây trái như tràm mít, dứa, xoài, ... trên đất.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03980/TTLT ngày 22/6/2009 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Diệu để cấp lại cho người sử dụng đất cho phù hợp với nội dung quyết định tại bản án này.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản; nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/5/2022, ông Nguyễn Ng Ch là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, ông Ch giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định văn bản cam kết tài sản chung của hộ ngày 01/10/2009 và tờ di chúc ngày 07/10/2009 hợp pháp là có căn cứ. Ông chiếu có yêu cầu độc lập nhưng phần quyết định của bản án không đề cập là có thiếu sót

nhưng không nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ huyết thống: Cụ ông Nguyễn Ng Bốn chết ngày 01/10/1990 và cụ bà Nguyễn Thị Diệu chết ngày 28/3/2014; 02 cụ có 08 người con gồm:

1/ Ông Nguyễn Ng Th.

2/ Bà Nguyễn Thị T2

3/ Ông Nguyễn Ng Ch

4/ Bà Nguyễn Thị L

5/ Bà Nguyễn Thị Ng

6/ Bà Nguyễn Thị Th

7/ Ông Nguyễn Ng C1

8/ Ông Nguyễn Ng Du chết ngày 10/12/2015 có vợ là bà T4 và 03 con là: ông Ph, ông Hi, bà D2.

[2] Bà Th khởi kiện bà Ng, bà L yêu cầu chia thừa kế phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 8.322m² tọa lạc tại phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An theo di chúc ngày 07/10/2009 của cụ Diệu để lại cho 04 người con gồm: Bà Thủy, bà Liễu, bà Ngọc, ông C1. Đối với tài sản gắn liền đất là nhà ở, công trình, cây trái thì chia theo pháp luật (phần đất trên hộ cụ Diệu đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/6/2009).

Ông Chiêu khai: Nguồn gốc đất và tài sản gắn liền đất là của cha mẹ chết để lại. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông có yêu cầu độc lập: Yêu cầu hủy văn bản cam kết về tài sản chung của hộ gia đình ngày 01/10/2009; hủy tờ di chúc ngày 07/10/2009 của cụ Diệu và chia thừa kế cho 08 người con của cụ Bốn và cụ Diệu. Riêng phần tài sản gắn liền đất, thống nhất giao cho bà Ngọc quản lý nhà để thờ cúng.

Bà Ngọc, bà Liễu khai: Thống nhất với yêu cầu độc lập của ông Chiêu.

Bà T2, ông Th, ông C1 và các thừa kế của ông Du thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

[3] Theo hồ sơ quản lý đất đai, đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lời khai của đương sự thì phần đất diện tích 8.322m² cùng nhà ở, công trình, cây trồng gắn liền đất tọa lạc tại phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An là của cụ Bốn và cụ Diệu để lại. 02 cụ quản lý, sử dụng từ trước năm 1975. Cụ Bốn đăng ký ruộng đất năm 1985. Sau khi cụ Bốn chết, cụ Diệu và các con quản lý, sử dụng nhà, đất. Năm 2001, cụ Diệu có đơn xin đăng ký quyền sử

dụng đất cho hộ gia đình và năm 2004, 2007, 2009; UBND huyện Thuận An cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Diệu. Năm 2014, cụ Diệu chết, các con tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Diện tích đất 8.322m² và tài sản gắn liền đất là di sản của cụ Bốn, cụ Diệu để lại là có căn cứ.

[4] Các ngày 05/11, 23/11, 14/12/2020 ông Chiêu có đơn yêu cầu độc lập (trước đây xét xử sơ thẩm lần 1 ông Chiêu không có yêu cầu độc lập). Thấy rằng: Cụ Bốn chết ngày 01/10/1990 đến ngày 05/11/2020 ông Chiêu mới có đơn yêu cầu độc lập tranh chấp thừa kế tài sản của cụ Bốn là đã hết thời hiệu khởi kiện đối với phần di sản của cụ Bốn (quá 30 năm theo Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015, Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016, và Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao). Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng phần di sản của cụ Bốn đã hết thời hiệu khởi kiện theo Điều 648 Bộ luật Dân sự năm 1995 (10 năm) là không đúng. Tuy phần di sản của cụ Bốn đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng không có đương sự nào yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu; do vậy Tòa án không áp dụng thời hiệu (Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Công văn số 152/TANDTC-PC ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân tối cao). Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc quản lý, chiếm hữu, sử dụng của các thừa kế đối với phần di sản đã hết thời hiệu theo Điều 623 Bộ luật Dân sự và Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[5] UBND huyện Thuận An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Diệu thể hiện tại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Cấp lần 1 ngày 07/01/2004, cấp lần 2 (sau khi chuyển quyền sử dụng đất) ngày 13/12/2007, cấp lần 3 ngày 22/6/2009. Thấy rằng: 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều được cấp cho hộ cụ Diệu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ tại UBND thành phố Thuận An để xác định tại thời điểm cấp đất thì thành viên trong hộ cụ Diệu gồm những ai (các Điều: 116, 118 Bộ luật Dân sự năm 1995, các Điều: 106, 108 Bộ luật Dân sự năm 2005, các Điều: 101, 102, 212 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai; Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 và Công văn số 152/TANDTC-PC ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân tối cao). Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Công văn số 2475/CATP ngày 23/12/2020 của Công an thành phố Thuận An xác định: Thành viên của hộ cụ Diệu thời điểm ngày 13/12/2007 (cấp đổi lần 2) gồm: Bà Diệu, bà Thủy, bà Liễu, ông Du, bà Diễm, ông Phát là không phù hợp.

[6] Xét văn bản cam kết về tài sản chung của hộ gia đình ngày 01/10/2009 do 03 người gồm: Cụ Diệu, bà Th, bà L xác định: Bà Thủy, bà Liễu là thành viên trong hộ của cụ Diệu. Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Diệu ngày 22/6/2009 là tài sản riêng của cụ Diệu là không đúng pháp luật (chưa làm rõ thành viên của hộ tại thời điểm cấp đất).

Xét tờ di chúc ngày 07/10/2009 của cụ Diệu có nội dung: Cụ Diệu căn cứ vào văn bản cam kết về tài sản chung ngày 01/10/2009 để lại toàn bộ quyền sử

dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Diệu ngày 22/6/2009 cho 04 người con là: Bà Thủy, bà Liễu, bà Ngọc, ông C1 là không phù hợp (quyền sử dụng đất là tài sản chung của cụ Bốn, cụ Diệu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Diệu chưa được làm rõ thành viên trong hộ gồm những ai, quá trình quản lý di sản của các thừa kế qua các giai đoạn, công sức đóng góp...).

[7] Vụ án có yêu cầu độc lập của ông Chiêu, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không chấp nhận yêu cầu độc lập nhưng trong phần quyết định của bản án không đề cập xử lý yêu cầu độc lập như thế nào là vi phạm Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, vi phạm tố tụng. Cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Yêu cầu kháng cáo của ông Ch là có cơ sở. Ý kiến của Kiểm sát viên là chưa phù hợp. Về án phí phúc thẩm: Ông Ch không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 148; khoản 3, Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ng Ch. Hủy Bản án số 18/2022/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Ng Ch không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung

